

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HS-ST

Ngày: 20-05-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thiện Tâm

Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Phụng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Thới
Bà Nguyễn Thị Nhưong
Ông Tôn Thọ Nuôi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:
Ông Lê Văn Sáu - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 05 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 09/2022/TLST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 4 năm 2022, đối với bị cáo:

Thái Ngọc L, sinh ngày 23-3-1986 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi ĐKKHKT: Ấp 6A, xã L, huyện Bến Lức, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Thợ hồ; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thái Văn L1, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị N (đã chết); vợ Phan Thị Hồng L2, sinh năm 1981 và có 01 người con chung sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27-04-2021 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Thái Ngọc L: Bà Phan Thị Hồng L2, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Ấp 6A, xã L, huyện Bến Lức, tỉnh Long An (Có mặt).

- Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Thái Ngọc L: Luật sư Cao Thanh T – Thành viên Đoàn Luật sư tỉnh Long An. (Có mặt)

- Người bị hại: Bà Nguyễn Thị Thu H (đã chết)

- Người đại diện hợp pháp của người bị hại:

1. Ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1971. (Có mặt)

2. Chị Nguyễn Thị Bé X, sinh năm 1987. (Có mặt)

3. Chị Nguyễn Hồng N, sinh năm 1994. (Có mặt)

Cùng trú tại: Ấp 9, xã L, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Ấp 9, xã L, huyện Bến Lức, tỉnh Long An. (Có mặt)

2. Bà Phan Thị Hồng L1, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Ấp 6A, xã L, huyện Bến Lức, tỉnh Long An. (Có mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Ông Lý Văn H1, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Ấp 7, xã L, huyện Bến Lức, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

2. Ông Huỳnh Chí Tr, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Ấp 8, xã L, huyện Bến Lức, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

3. Anh Nguyễn Minh Tr1, sinh năm 1994. Nơi cư trú: Ấp 6A, xã L, huyện Bến Lức, tỉnh Long An. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trước đó, vào chiều tối ngày 26-4-2021 thì giữa bị cáo Thái Ngọc L với bà Nguyễn Thị Thu H phát sinh mâu thuẫn với nhau, về việc vợ bị cáo L nghi ngờ chị Nguyễn Hồng N là con ruột của bà N nhất được tiền do vợ của bị cáo đánh rơi, nên điện thoại xin lại, nhưng chị N trả lời không nhất được tiền. Sau đó, vợ chồng bị cáo L có điện thoại xin lỗi, nhưng bà H không chịu bỏ qua và dùng lời lẽ không hay đối với vợ chồng bị cáo.

Khoảng 07 giờ ngày 27-4-2021, bà H cùng chị N đến nhà bị cáo L tại ấp 6A, xã L, huyện Bến Lức, tỉnh Long An tiếp tục nói chuyện liên quan đến việc bà L3 cho rằng chị N nhất tiền của bà L3 hôm qua. Hai bên lớn tiếng với nhau, bị cáo L đi xuống nhà bếp lấy 01 con dao bằng kim loại (Có đặc điểm: có chiều dài 41,5cm lưỡi 27cm, mũi bằng, cán gỗ) rồi đi lên trước nhà nơi bà H đang đứng, L dùng dao chém 04 - 05 cái vào vùng đầu, vùng mặt, tay của bà H. Ông Nguyễn Ngọc S đang làm thợ xây nhà bên cạnh nhà của bị cáo L thấy vậy, nên ông S nhất một đoạn cây gỗ có kích thước (111x5,6x3,5)cm chạy qua nhà bị cáo L để can ngăn, nhưng ông S bị bị cáo L dùng dao chém 02 - 03 cái vào tay và bụng ông S bị thương tích nên bỏ chạy ra bên ngoài. Bị cáo L tiếp tục dùng dao chém liên tiếp thêm 04 - 05 cái vào vùng đầu và mặt của bà H rồi mới dừng lại. Hậu quả bà H bị tử vong.

Tại Kết luận Giám định Pháp về tử thi số: 402/2021 ngày 03-5-2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An về tử thi của bà Nguyễn Thị Thu

H: Tử vong do nhiều vết thương hở trên cơ thể (đầu, mặt, cổ, tay) làm đứt - vỡ nhiều xương và mạch máu, gây choáng chấn thương mất máu.

Tại Kết luận Giám định số: 2627/C09B ngày 25-5-2021 của Phân viện Khoa học hình sự Bộ Công an tại TP. Hồ Chí Minh kết luận: Trên con dao gửi giám định có máu người, phân tích được một kiểu gen nữ giới hoàn chỉnh từ máu này và trùng với kiểu gen của nạn nhân Nguyễn Thị Thu H, mẫu nghi lông tóc dính trên con dao gửi giám định là tóc người, phân tích được một kiểu gen nữ giới hoàn chỉnh từ mẫu tóc với kiểu gen của nạn nhân Nguyễn Thị Thu H.

Tại Bản kết luận giám định số: 962/KLGĐ ngày 20-12-2021 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Thành phố Hồ Chí Minh kết luận tình trạng tâm thần của Thái Ngọc L như sau:

- Về y học: Trước khi thực hiện hành vi phạm tội ngày 27-4-2021 đối tượng bị chậm phát triển tâm thần mức độ nhẹ (F70 - ICD10). Trong, sau khi thực hiện hành vi phạm tội ngày 27-4-2021 và hiện tại, đối tượng bị Rối loạn stress sau sang chấn/chậm phát triển tâm thần mức độ nhẹ (F43.1/F700ICD10).

- Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Trước, trong, sau khi thực hiện hành vi phạm tội ngày 27-4-2021 đối tượng hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Về vật chứng thu giữ trong vụ án: 01 con dao (có đặc điểm chiều dài 41,5cm lưỡi 27cm, mũi bằng, cán gỗ); 01 chiếc khăn màu tím kích thước (96,5x51)cm; 01 đoạn cây gỗ dài (111x5,6x3,15)cm; Nhiều đoạn tóc màu đen đựng trong 02 túi niêm phong; 01 chiếc vòng kim loại màu vàng kích thước (6,2x1,5)cm.

Bản Cáo trạng số 06/CT-VKSLA-P2 ngày 18-02-2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An đã truy tố bị cáo Thái Ngọc L về tội “Giết người” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Bị cáo Thái Ngọc L khai nhận nguyên nhân dẫn đến bà Nguyễn Thị Thu H chết sáng ngày 27-4-2021 tại nhà của bị cáo là do bị cáo dùng dao chém nhiều cái vào người bà H, do bà H cùng con gái đến nhà bị cáo la lối, bị cáo bức xúc không kiềm chế được. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An đã truy tố bị cáo phạm tội “Giết người” là đúng người, đúng tội, không oan cho bị cáo. Bị cáo không khiếu nại gì về các quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng đối với bị cáo trong giai đoạn điều tra và truy tố vụ án.

- *Những người đại diện hợp pháp của người bị hại trình thống nhất như sau:* Ông Nguyễn Ngọc S với bà Nguyễn Thị Thu H là vợ chồng và có 02 người con chung gồm Nguyễn Thị Bé X và Nguyễn Hồng N. Sau khi bà H chết, vợ của bị cáo L là bà Phan Thị Hồng L3 đã bồi thường tổng các khoản chi phí mai táng và cứu chữa vết thương cho ông S với số tiền theo ông S yêu cầu là 200.000.000

đồng, nên về phần trách nhiệm dân sự đại diện người bị hại và ông S không yêu cầu gì thêm. Về phần trách nhiệm hình sự, tất cả người đại diện cho người bị hại yêu cầu xét xử bị cáo L theo quy định của pháp luật. Trước đây, ông S có đơn bãi nại cho bị cáo L là bãi nại về hành vi bị cáo L gây thương tích cho ông, nên ông từ chối giám định thương tật và không yêu cầu xử lý bị cáo.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án bà Phan Thị Hồng L3 trình bày như sau:* Bà L3 xác định lời khai của bị cáo L tại phiên tòa là hoàn toàn đúng sự thật. Đối với số tiền bà L3 bồi thường cho đại diện người bị hại, bà L3 không yêu cầu xem xét buộc trả lại số tiền trên.

- *Người làm chứng ông Nguyễn Minh Trọng trình bày:* Ông Trọng có chứng kiến bị cáo L dùng dao chém vào người của bà H và ông S nhiều cái. Nguyên nhân bà H chết là do bị cáo L gây nên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người liên quan, người làm chứng, bản kết luận giám định pháp y. Qua đó, có đủ cơ sở xác định hành vi của bị cáo Thái Ngọc L đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự như Cáo trạng đã truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Thái Ngọc L phạm tội “Giết người”. Áp dụng: Điểm n khoản 1 Điều 123; điểm e khoản 1 Điều 52; các điểm b, q và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 và Điều 54 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Thái Ngọc L mức án tù từ 10 năm đến 12 năm tù.

Về xử lý vật chứng: Đối với 01 con dao (có đặc điểm: chiều dài 41,5cm lưỡi 27cm, mũi bằng, cán gỗ); 01 chiếc khăn màu tím kích thước (96,5x51)cm; 01 đoạn cây gỗ dài (111x5,6x,2,15)cm; Nhiều đoạn tóc màu đen đựng trong 02 túi niêm phong; không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc vòng kim loại màu vàng kích thước (6,2x1,5)cm là của người bị hại, cơ quan Cảnh sát điều tra đã giao trả lại cho đại diện người bị hại là phù hợp, nên không xét đến.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Thái Ngọc L trình bày: Thay mặt bị cáo, xin lỗi gia đình của người bị hại. Về tội danh đối với bị cáo, Luật sư thống nhất như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt đối với bị cáo, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo như Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa.

Bị cáo không tham gia tranh luận.

Người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin lỗi gia đình bị hại và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Long An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều là hợp pháp. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người đại diện người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Xét, lời khai nhận của bị cáo Thái Ngọc L tại phiên tòa phù hợp với: Lời khai của bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người làm chứng; biên bản khám nghiệm hiện trường vụ án; biên bản thu giữ vật chứng; các Kết luận giám định và cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Với các tình tiết của vụ án đã được chứng minh tại phiên tòa, xét có đủ cơ sở kết luận rằng: Bị cáo Thái Ngọc L là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Xuất phát từ việc vợ của bị cáo Thái Ngọc L nghi ngờ chị Nguyễn Hồng N là con ruột của bà Nguyễn Thị Thu H có nhặt được tiền rơi do vợ của bị cáo L đánh rơi, sau đó có xin lỗi, nhưng bà H không chịu bỏ qua. Khoảng 07 giờ 27-4-2020, tại nhà của bị cáo L thuộc ấp 6A, xã L, huyện Bến Lức, tỉnh Long An bà H cùng chị N đến nhà bị cáo L tiếp tục nói chuyện liên quan đến việc mất tiền của chị L3. Hai bên tiếp tục phát sinh mâu thuẫn lớn tiếng qua lại với nhau. Bị cáo L dùng dao chém nhiều cái vào vùng đầu, vùng mặt, tay của bà H, mặc dù có người khác can ngăn nhưng bị cáo không dừng lại. Hậu quả, làm cho bà H bị tử vong. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà H với vợ chồng của bị cáo L là mâu thuẫn nhỏ nhưng bị cáo đã tước đi mạng sống của bà H, hành vi này của bị cáo thể hiện tính chất côn đồ. Do đó, hành vi như trên của bị cáo L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người” với tình tiết định khung tăng nặng “có tính chất côn đồ” được quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự và được quy định như sau:

“1. Người nào giết người thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình:

....

n) Có tính chất côn đồ;

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An đã truy tố bị cáo L phạm tội “Giết người” là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội do bị cáo gây ra là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất mát, đau thương cho gia đình người bị hại. Ngoài ra, còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Khi thực hiện hành vi phạm tội, mặc dù được người khác can ngăn nhưng bị cáo không dừng lại mà tiếp tục dùng dao chém tiếp nhiều cái vào người của người bị hại. Hành vi này thể hiện bị cáo cố tình thực hiện tội phạm đến cùng, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm e khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra vụ án cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ số tiền theo yêu cầu của người đại diện người bị hại để khắc phục hậu quả. Bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi trước, trong và sau khi thực hiện hành vi phạm tội, đây là các tình tiết giảm trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, q và s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, về nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; lần phạm tội này là lần đầu; bị cáo đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự; cha ruột của bị cáo là thương binh 4/4; người bị hại cũng có một phần lỗi, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về quyết định hình phạt đối với bị cáo: Căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải có mức án tương xứng đối với bị cáo, nhằm đạt mục đích răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong xã hội. Xét mức hình phạt và loại hình phạt đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp và tương xứng nên ghi nhận xem xét.

[6] Ý kiến, quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận toàn bộ.

[7] Xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo không liên quan đến nghề nghiệp của bị cáo, nên không cần áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 123 Bộ luật Hình sự.

[8] Đối với thương tích của ông Nguyễn Ngọc S do bị cáo gây ra cùng lúc với người bị hại, nhưng ông S tự nguyện từ chối giám định tỷ lệ thương tật và không yêu cầu xem xét xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật là hoàn toàn tự nguyện, nên không xét đến.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Các bên tự thỏa thuận bồi thường xong, tại phiên tòa đại diện người bị hại không yêu cầu gì thêm, nên không xét đến.

[10] Về vật chứng:

[10.1] Đối với 01 con dao (có đặc điểm: chiều dài 41,5cm lưỡi 27cm, mũi bằng, cán gỗ); 01 chiếc khăn màu tím kích thước (96,5x51)cm; 01 đoạn cây gỗ dài (111x5,6x,2,15)cm; Nhiều đoạn tóc màu đen đựng trong 02 túi niêm phong. Xét thấy các vật chứng này không còn giá trị sử dụng, căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy.

[10.2] Đối với 01 chiếc vòng kim loại màu vàng kích thước (6,2x1,5)cm là của người bị hại, cơ quan Cảnh sát điều tra đã giao trả lại cho đại diện người bị hại là phù hợp, nên không xét đến.

[11] Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Thái Ngọc L phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Thái Ngọc L phạm tội “Giết người”.

Áp dụng: Điểm n khoản 1 Điều 123; Điều 38; Điều 50; điểm e khoản 1 Điều 52; các điểm b, q và s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Thái Ngọc L 12 (Mười hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 27-4-2021.

Áp dụng: Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tiếp tục tạm giam bị cáo Thái Ngọc L 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự. Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao (có đặc điểm: chiều dài 41,5cm lưỡi 27cm, mũi bằng, cán gỗ); 01 chiếc khăn màu tím kích thước (96,5x51)cm; 01 đoạn cây gỗ dài (111x5,6x,2,15)cm; Nhiều đoạn tóc màu đen đựng trong 02 túi niêm phong.

(Vật chứng và tài sản được Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An đang quản lý theo Quyết định chuyển vật chứng số: 12/QĐ-VKSLA-P2 ngày 19-01-2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An, biên bản giao nhận vật chứng ngày 20-01-2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Long An).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Thái Ngọc L phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa của bị cáo, người đại diện người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; vắng mặt, có quyền kháng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết hợp lệ bản án.

6. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TPHCM (01);
- VKSNDCC tại TPHCM (01);
- VKSND tỉnh Long An (01);
- Cục THADS tỉnh Long An (01);
- Công an tỉnh Long An (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Long An (01);
- Bị cáo;
- Người TGTT khác;
- L hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thiện Tâm